

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST  
Ngày 05-5-2022  
V/v tranh chấp Hụi

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Võ Minh Luân**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Đào Việt Khái**

Bà **Trần Thị Hoài Yên**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Châu Sơn Ca** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 04/01/2022 về tranh chấp “Hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

*Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn K** (vắng mặt).

Bà **Trần Kim N** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Vào ngày 11/11/2015 tập thể hội nông dân ấp M có mở dây hụi (với hình thức hỗ trợ xây dựng nhà bằng phương pháp mở hụi) do ông Nguyễn Văn N là người đại diện mở hụi, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 42 thành viên tham gia. Trong dây hụi này ông N tham gia 02 phần, ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N tham gia 02 phần. Ngày 15/5/2016 (âm lịch) ông K, bà N hốt hụi với số tiền 16.860.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì mỗi tháng ông K, bà N phải đóng hụi chết cho người hốt hụi tiếp theo là 2.000.000

đồng. Dây hụi này ông N hốt hụi sau cùng nhưng ông K, bà N không đóng tiền hụi cho ông.

Tiếp theo ngày 23/3/2016 tập thể hội nông dân ấp M có mở 02 dây hụi hình thức cũng giống như trên. Loại hụi 1.000.000 đồng, gồm có 36 thành viên tham gia. Trong 02 dây hụi này ông N tham gia 02 phần, ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N tham gia 02 phần. Ngày 15/4/2016 (âm lịch) ông K, bà N hốt hụi với số tiền 16.620.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì mỗi tháng ông K, bà N phải đóng hụi chết cho người hốt hụi tiếp theo là 2.000.000 đồng. Dây hụi này ông N hốt hụi sau cùng nhưng ông K, bà N không đóng tiền hụi cho ông. Tổng 02 dây hụi ông K, bà N nợ ông số tiền 10.000.000 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N trả cho ông N số tiền 10.000.000 đồng.

Ông N rút lại yêu cầu đòi với số vàng 05 chỉ vàng 24k và số tiền vay 10.000.000 đồng.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông K, bà N vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N có nơi cư trú tại huyện P, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp “Hụi” nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N nhưng ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà N là phù hợp với quy định.

[2] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N về việc bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 10.000.000 đồng. Xét đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hụi”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn N xác định dây hụi mở ngày 11/11/2015 ông N tham gia 02 phần và dây hụi mở ngày 23/3/2016 ông N cũng tham gia 02 phần, 02 dây hụi này ông K, bà N còn nợ ông số tiền 10.000.000 đồng, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K, bà N trả cho ông 10.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn và bị đơn là có thực tế diễn ra. Bởi lẽ tại biên bản hòa giải ngày 10/12/2017 của tổ hòa giải ấp M thì ông Nguyễn Văn K thừa nhận nợ và đồng ý trả cho ông N 10.000.000 đồng. Từ những căn cứ nêu trên, căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N trả số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét đối với rút một phần yêu cầu của nguyên đơn 05 chỉ vàng 24k và số tiền vay 10.000.000 đồng. Xét thấy tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu đối với 05 chỉ vàng 24k và số tiền vay 10.000.000 đồng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Xét về án phí: Nguyên đơn không có dự nộp án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N trả cho ông N số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn K, bà Trần Kim N phải chịu 500.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa*

*thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Võ Minh Luân**